

PHỤ LỤC 03. BẢNG GIẢI TRÌNH CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ NĂM 2024 CỦA CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Nội dung của Quy chế Quản trị nội bộ mới bao gồm 11 Chương, 35 Điều khoản và ban hành kèm theo 1 Phụ lục. Trong đó: (i) lược bỏ 01 điều khoản, (ii) sửa đổi, bổ sung 15 điều khoản, (iii) giữ nguyên 20 điều khoản, cụ thể như sau:

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH EVNFINANCE	ĐIỀU LỆ SAU KHI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
1	Điều 1. Định nghĩa		
	Căn cứ Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16/06/2010; Luật sửa đổi, bổ sung Luật các Tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành.	2. Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.	Điều chỉnh phù hợp với quy định tại Luật Các TCTD 2024.
		7. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực; 8. Tiêu chuẩn ISO 9001:2015; 9. Các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quy định nội bộ khác có liên quan.	Bổ sung thêm căn cứ pháp lý.
2	Điều 2. Mục đích ban hành		
	Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực để: (i) bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông và Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (" Công ty ") và (ii) đảm bảo Công ty hoạt động phù hợp với quy định của pháp	Bỏ điều khoản này.	

	luật, Điều lệ Công ty và các chuẩn mực, thông lệ trong hoạt động kinh doanh Công ty nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất.		
3	Điều 3. Phạm vi điều chỉnh	Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	
	Quy chế này áp dụng đối với bộ máy tổ chức của Công ty được quy định tại Điều lệ Công ty, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc của Tổng Giám đốc.	<p>1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>Quy chế này áp dụng đối với bộ máy tổ chức của Công ty được quy định tại Điều lệ Công ty, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc của Tổng Giám đốc.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng</p> <p>Quy chế này được áp dụng trong toàn hệ thống Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực.</p>	Bổ sung Đối tượng áp dụng.
4	Điều 5. Giải thích từ ngữ và các từ viết tắt	Điều 3. Giải thích từ ngữ và các từ viết tắt	
	<p>1. Trong Quy chế này, trừ trường hợp ngữ cảnh cụ thể có quy định khác, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a) <i>Công ty/EVN Finance</i>: Là Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực;</p> <p>b) <i>Điều lệ</i>: Là Điều lệ của Công ty được ban hành tại từng thời điểm;</p> <p>c) <i>Người Điều hành</i>: Gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc Chi nhánh;</p> <p>d) <i>Người điều hành khác</i>: Theo quy định của Công ty theo từng thời kỳ;</p>	<p>1. Trong Quy chế này, trừ trường hợp ngữ cảnh cụ thể có quy định khác, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a) <i>Công ty/EVN Finance</i>: Là Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực;</p> <p>b) <i>Điều lệ</i>: Là Điều lệ của Công ty được ban hành tại từng thời điểm;</p> <p>c) <i>Người Điều hành</i>: Gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc Chi nhánh;</p> <p>d) <i>Người điều hành khác</i>: Theo quy định của Điều lệ Công ty theo từng thời kỳ;</p> <p>e) <i>Ban điều hành</i>: Bao gồm Người điều hành theo quy định tại Điều lệ Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực;</p>	<p>Hiệu chỉnh các định nghĩa để phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành.</p> <p>Bổ sung định nghĩa “Cổ đông lớn” và “Ban điều hành”.</p>

<p>e) <i>Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành</i>: (sau đây gọi là “Thành viên không điều hành”) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;</p> <p>f) <i>Thành viên Hội đồng quản trị độc lập</i> (sau đây gọi là “Thành viên độc lập”) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và khoản 2 Điều 50 Luật các Tổ chức tín dụng;</p> <p>g) <i>Người có liên quan</i>: được định nghĩa theo khoản 28 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng cho các vấn đề về tổ chức, hoạt động của EVN Finance mà được quy định bởi pháp luật về các tổ chức tín dụng. Đối với việc công bố thông tin và các vấn đề khác mà pháp luật về các tổ chức tín dụng không quy định, người có liên quan được xác định tương ứng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán;</p> <p>h) <i>Người phụ trách quản trị Công ty</i>: Là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>i) <i>DHDCĐ</i>: Là Đại hội đồng cổ đông Công ty;</p> <p>j) <i>HDQT</i>: Là HĐQT Công ty;</p> <p>k) <i>TGD</i>: Là Tổng Giám đốc Công ty;</p> <p>l) <i>BKS</i>: Là Ban Kiểm soát.</p> <p>2. Các từ, ngữ, thuật ngữ, khái niệm chưa được định nghĩa trong Điều này, sẽ được hiểu theo từng ngữ cảnh</p>	<p>f) <i>Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành</i>: (sau đây gọi là “Thành viên không điều hành”) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;</p> <p>g) <i>Thành viên Hội đồng quản trị độc lập</i> (sau đây gọi là “Thành viên độc lập”) là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều 41 Luật các Tổ chức tín dụng;</p> <p>h) <i>Người có liên quan</i>: được định nghĩa theo Khoản 24 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng cho các vấn đề về tổ chức, hoạt động của EVN Finance mà được quy định bởi pháp luật về các tổ chức tín dụng. Đối với việc công bố thông tin và các vấn đề khác mà pháp luật về các tổ chức tín dụng không quy định, người có liên quan được xác định tương ứng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán;</p> <p>i) <i>Người phụ trách quản trị Công ty</i>: Là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>j) <i>Cổ đông lớn</i> của EVN Finance là cổ đông sở hữu từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại EVN Finance, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp;</p> <p>k) <i>DHDCĐ</i>: Là Đại hội đồng cổ đông Công ty;</p> <p>l) <i>HDQT</i>: Là Hội đồng quản trị Công ty;</p> <p>m) <i>TGD</i>: Là Tổng Giám đốc Công ty;</p> <p>n) <i>BKS</i>: Là Ban Kiểm soát.</p>	
--	---	--

	cụ thể trong Quy chế và các quy định có liên quan của Công ty và của pháp luật.	2. Các từ, ngữ, thuật ngữ, khái niệm chưa được định nghĩa trong Điều này, sẽ được hiểu theo từng ngữ cảnh cụ thể trong Quy chế và các quy định có liên quan của Công ty và của pháp luật.	
5	Điều 7. Quyền của cổ đông	Điều 6: Quyền của cổ đông	
	<p>Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, ngoài ra còn có các quyền sau đây:</p> <p>1. Quyền được đối xử công bằng: Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được ĐHCĐ thông qua.</p> <p>2. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Quyền được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT theo quy định của Điều lệ và quy định pháp luật có liên quan</p>	<p>1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:</p> <p>a) Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.</p> <p>b) Nhận cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông tại EVN Finance. Việc chào bán cổ phần mới được thực hiện theo các trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật về chứng khoán. Trường hợp cổ đông không chấp nhận mua cổ phần được chào bán, Hội đồng quản trị được quyền chào bán số cổ phần mới đó cho những người thích hợp khác theo những điều kiện và cách thức phù hợp nhưng không được thuận lợi hơn những điều kiện trước đó đã chào cho cổ đông;</p> <p>d) Chuyển nhượng cổ phần, quyền mua cổ phần cho cổ đông khác của EVN Finance hoặc tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật và quy định trong Điều lệ của EVN Finance và/hoặc nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định pháp luật, quy định nội bộ của EVN Finance.</p>	<p>Cơ cấu lại nội dung điều khoản.</p> <p>Bổ sung theo quy định tại Điều 61 Luật Các TCTD 2024 và Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

		<ul style="list-style-type: none"> e) Xem, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình. f) Xem, tra cứu, trích lục, sao chụp Điều lệ của EVN Finance, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. g) Được chia phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu tại EVN Finance khi EVN Finance giải thể hoặc phá sản. h) Ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình. i) Ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ của EVN Finance hoặc theo quy định của pháp luật nếu Điều lệ của EVN Finance không quy định. Danh sách ứng cử viên phải được gửi đến Hội đồng quản trị theo thời hạn do Hội đồng quản trị quy định. j) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau; k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do EVN Finance công bố theo quy định của pháp luật; l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; được đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp; m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; 	
		<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm) phần trăm tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc theo tỷ lệ khác theo quy định của Điều lệ Công ty có quyền:</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

		a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng quản trị theo thời hạn do Hội đồng quản trị quy định.	
	<p>5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT, Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào HĐQT và Ban Kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên HĐQT và Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, Ban Kiểm soát và các cổ đông hoặc nhóm cổ đông tại điểm f Khoản 7 Điều 43 và điểm f Khoản 4 Điều 55 Điều lệ Công ty đề cử.</p>	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;</p> <p>b) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</p>	Hiệu chỉnh theo Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.
6	Điều 8. Nghĩa vụ của Cổ đông lớn	Điều 7. Nghĩa vụ của Cổ đông	
	Không quy định nghĩa vụ chung của cổ đông phổ thông.	<p>1. Cổ đông phổ thông của EVN Finance phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Thanh toán đủ số tiền tương ứng với số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do EVN Finance quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác</p>	Điều chỉnh lại cơ cấu điều khoản: Bổ sung nghĩa vụ chung của cổ đông theo quy định tại Điều 62 Luật các TCTD 2024.

		<p>của EVN Finance trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào EVN Finance;</p> <p>b) Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi EVN Finance dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của EVN Finance, trừ trường hợp EVN Finance mua lại cổ phần theo quy định tại Điều lệ. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong EVN Finance phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của EVN Finance trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;</p> <p>c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại EVN Finance; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của EVN Finance; không được góp vốn, mua cổ phần của EVN Finance dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Tuân thủ Điều lệ và các quy định nội bộ của EVN Finance;</p> <p>e) Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p> <p>f) Chịu trách nhiệm khi nhân danh EVN Finance dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>g) Bảo mật thông tin được EVN Finance cung cấp theo quy định của pháp luật và Điều lệ của EVN Finance; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và</p>	
--	--	--	--

		<p>bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; không được phát tán, sao, gửi thông tin được EVN Finance cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>h) Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết qua các hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; • Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; • Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; • Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; • Gửi phiếu biểu quyết bằng hình thức khác theo quy định trong Điều lệ công ty. <p>i) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.</p> <p>2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho EVN Finance thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong EVN Finance. EVN Finance có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông nhận ủy thác đầu tư trong trường hợp cổ đông này không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác về chủ sở hữu thực sự các cổ phần.</p>	
	<p>Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật có liên quan, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p>3. Cổ đông lớn có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật có liên quan, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>b) Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Bổ sung nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>

	2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.	c) Các nghĩa vụ khác theo quy định quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.	
7	Điều 9. Vai trò của ĐHĐCĐ trong quản trị Công ty	Điều 8. Vai trò của ĐHĐCĐ trong quản trị Công ty	
	<p>1. ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty và có quyền quyết định các vấn đề quan trọng nhất của Công ty theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.</p> <p>2. ĐHĐCĐ hoạt động thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường.</p> <p>3. Quyết định của ĐHĐCĐ chỉ có giá trị khi được các Cổ đông hoặc người được ủy quyền thông qua theo quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty.</p>	<p>1. ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.</p> <p>2. ĐHĐCĐ hoạt động thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường.</p> <p>3. Nghị quyết của ĐHĐCĐ chỉ có giá trị khi được các Cổ đông hoặc người được ủy quyền thông qua theo quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty.</p>	Hiệu chỉnh để phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty.
8	Điều 10. Triệu tập họp ĐHĐCĐ	Điều 9. Triệu tập họp ĐHĐCĐ	
	<p>1. Hội ĐHĐCĐ thường niên:</p> <p>a) Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>b) Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>1. Hội ĐHĐCĐ thường niên:</p> <p>a) Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>b) Đại hội đồng cổ đông thường niên được Hội đồng quản trị triệu tập, được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam; Địa điểm cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ vào tình hình thực tế. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được luật pháp và Điều lệ này quy định. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của EVN Finance có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, EVN Finance phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của EVN Finance dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại</p>	Điều chỉnh để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp.

		diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của EVN Finance.	
9	Điều 11. Thủ tục và trình tự tiến hành họp ĐHĐCĐ thường niên thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp	Điều 10. Thủ tục và trình tự tiến hành họp ĐHĐCĐ thường niên thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp	
	<p>Trình tự, thủ tục tiến hành họp ĐHĐCĐ thường niên được thực hiện theo Quy chế này và các quy định có liên quan của Điều lệ và pháp luật. Một số quy định chính về thủ tục và trình tự tiến hành họp ĐHĐCĐ như sau:</p> <p>1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên danh sách cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p> <p>Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên danh sách cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập theo quy định tại Điều lệ Công ty.</p>	<p>Trình tự, thủ tục tiến hành họp ĐHĐCĐ thường niên được thực hiện theo Quy chế này và các quy định có liên quan của Điều lệ và pháp luật. Một số quy định chính về thủ tục và trình tự tiến hành họp ĐHĐCĐ như sau:</p> <p>1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên danh sách cổ đông của Công ty và danh sách người sở hữu chứng khoán do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xác lập tại thời điểm xác định quyền dự họp theo quy định pháp luật về chứng khoán. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thời hạn khác theo quy định pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán, tùy thuộc thời điểm nào đến trước. EVN Finance phải công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.</p> <p>Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập theo quy định tại Điều lệ Công ty.</p>	<p>Hiệu chỉnh để phù hợp với Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2020, Thông tư 119/2020/T-BTC và Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC.</p>
	<p>2. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty. Ngoài ra, một số quy định chính về thông báo triệu tập ĐHĐCĐ, như sau:</p>	<p>2. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 27, 28 Điều lệ Công ty. Ngoài ra, một số quy định chính về thông báo triệu tập ĐHĐCĐ, như sau:</p> <p>a) Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21</p>	<p>Bổ sung căn cứ pháp lý từ Điều lệ Công ty.</p>

	<p>a) Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc (riêng thông tin liên quan đến các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông).</p> <p>b) Tài liệu họp bao gồm: mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>c) Thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm theo sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.</p>	<p>ngày trước ngày khai mạc (riêng thông tin liên quan đến các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông).</p> <p>b) Tài liệu họp bao gồm: mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>c) Thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm theo sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.</p>	
10	Điều 14. Quyết định của ĐHĐCĐ	Điều 13. Nghị quyết của ĐHĐCĐ	
	<p>1. Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua khi có đủ các điều kiện quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty và có giá trị hiệu lực cao nhất trong Công ty. Mọi đơn vị, cá nhân có liên quan (bao gồm các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và thành viên Ban Điều hành, cổ đông...) đều có nghĩa vụ thi hành.</p> <p>2. Quyết định của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>3. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị</p>	<p>1. Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua khi có đủ các điều kiện quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty và có giá trị hiệu lực cao nhất trong Công ty. Mọi đơn vị, cá nhân có liên quan (bao gồm các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và thành viên Ban Điều hành, cổ đông...) đều có nghĩa vụ thi hành.</p> <p>2. Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>3. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần</p>	<p>Điều chỉnh thuật ngữ “Quyết định” thành “Nghị quyết” để phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty.</p>

	quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty.	nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty.	
11	Điều 15. Thủ tục họp ĐHĐCĐ thường niên thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	Điều 14. Thủ tục họp ĐHĐCĐ thường niên thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	
	1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty trừ các vấn đề quy định tại Khoản 1 Điều 31 Điều lệ Công ty.	1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty trừ các vấn đề quy định tại Khoản 1 Điều 31 Điều lệ Công ty.	Điều chỉnh thuật ngữ “Quyết định” thành “Nghị quyết” để phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty.
	9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.	9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.	
12	Điều 16. Cơ cấu tổ chức và vai trò của HĐQT trong quản trị Công ty	Điều 15. Cơ cấu tổ chức và vai trò của HĐQT trong quản trị Công ty	
	4. HĐQT phải có không ít hơn 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất một thành viên độc lập. HĐQT phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành của EVN Finance. Nhiệm kỳ của HĐQT không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Thành viên HĐQT có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi	4. HĐQT phải có tối thiểu 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất 02 (hai) thành viên độc lập. HĐQT phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành của EVN Finance. Nhiệm kỳ của HĐQT không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.	Hiệu chỉnh số lượng tối thiểu của thành viên HĐQT theo Điều 69 Luật các TCTD 2024 và Điều 154 Luật Doanh nghiệp.

	<p>HDQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc Trường hợp tất cả thành viên HDQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HDQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Số lượng thành viên HDQT độc lập của EVN Finance phải đảm bảo quy định sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> i) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp EVN Finance có số thành viên HDQT là 05 thành viên; ii) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp EVN Finance có số thành viên HDQT từ 06 đến 08 thành viên; iii) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp EVN Finance có số thành viên HDQT từ 09 đến 11 thành viên. 	<p>5. Trường hợp tất cả thành viên HDQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HDQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Số lượng thành viên HDQT độc lập của EVN Finance phải đảm bảo quy định sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> i) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp EVN Finance có số thành viên HDQT dưới 08 thành viên; ii) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp EVN Finance có số thành viên HDQT từ 09 đến 11 thành viên. 	
	<p>Trường hợp số thành viên HDQT không đủ hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ của EVN Finance thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, EVN Finance phải bổ sung đủ số lượng thành viên HDQT. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận danh sách dự kiến việc bầu, bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên HDQT được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và các thành viên HDQT của EVN Finance phải được báo cáo lên Ngân hàng Nhà Nước bằng văn bản và các tài liệu liên quan trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc.</p>	<p>Trường hợp HDQT có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại Khoản 4 Điều này, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên tối thiểu, EVN Finance phải bầu bổ sung đủ số lượng thành viên HDQT. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận danh sách dự kiến việc bầu, bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên HDQT được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và các thành viên HDQT của EVN Finance phải được báo cáo lên Ngân hàng Nhà Nước bằng văn bản và các tài liệu liên quan trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc.</p>	<p>Nêu rõ trường hợp áp dụng, điều chỉnh thời hạn phải bổ sung số lượng thành viên HDQT theo quy định tại Điều 46 và 50 Luật Các TCTD 2024.</p>
<p>13</p>	<p>Điều 17. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HDQT</p>	<p>Điều 16. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HDQT</p>	

	<p>1. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT: Thành viên HĐQT phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 46 Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Nguyên tắc cổ đông, nhóm cổ đông đề cử người vào HĐQT theo quy định tại khoản 7 Điều 43 Điều lệ Công ty.</p>	<p>1. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT: Thành viên HĐQT phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 47 Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Tiêu chuẩn thành viên độc lập HĐQT: Thành viên độc lập HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 47 Điều lệ Công ty.</p> <p>3. Nguyên tắc cổ đông, nhóm cổ đông đề cử người vào HĐQT theo quy định tại Khoản 8 Điều 44 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điều chỉnh số điều, khoản dẫn chiếu tại Điều lệ mới ban hành.</p> <p>Bổ sung tiêu chuẩn thành viên độc lập HĐQT theo quy định của Điều lệ mới ban hành.</p>
14	Điều 18. Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT	Điều 17. Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT	
	<p>1. Thông báo họp HĐQT: Khi triệu tập họp, người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày tổ chức họp. Thông báo Thông báo về cuộc họp HĐQT được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và cả các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp. Những thành viên HĐQT này sẽ gửi phiếu bầu cho HĐQT trước khi họp.</p> <p>2. Điều kiện tổ chức họp HĐQT: Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên HĐQT được ủy quyền. Trường hợp triệu tập họp HĐQT định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập tiếp cuộc họp HĐQT lần hai trong thời gian không quá 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp</p>	<p>1. Thông báo họp HĐQT: Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày tổ chức họp. Thông báo Thông báo về cuộc họp HĐQT được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và cả các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp. Những thành viên HĐQT này sẽ gửi phiếu bầu cho HĐQT trước khi họp.</p> <p>2. Điều kiện tổ chức họp HĐQT: Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp triệu tập họp HĐQT định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập tiếp cuộc họp HĐQT lần hai trong thời gian không quá 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.</p>	<p>Điều chỉnh làm rõ đối tượng phải gửi thông báo mời họp và điều kiện tổ chức họp HĐQT cho phù hợp với Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Hiệu chỉnh lại số điều khoản dẫn chiếu từ Điều lệ mới ban hành.</p>

	được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.		
	<p>3. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.</p>	<p>3. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p>	Lược bỏ Điểm (e) để phù hợp với quy định của Luật các TCTD 2024.

	<p>4. Biên bản họp HĐQT: Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 12 Điều 49 Điều lệ Công ty thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>5. Biên bản họp HĐQT: Biên bản họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải được tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp ký tên. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc theo quy định khác theo Điều lệ công ty.</p>	<p>Hiệu chỉnh theo Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2020 và đồng bộ với Điều lệ mới ban hành.</p>
15	Điều 19. Các Ủy ban của HĐQT	Điều 18. Các Ủy ban của HĐQT	
	<p>2. HĐQT quy định nhiệm vụ, quyền hạn của hai Ủy ban này theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước và pháp luật có liên quan.</p>	<p>2. HĐQT quyết định nhiệm vụ, quyền hạn của 02 (hai) Ủy ban này theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và pháp luật có liên quan.</p>	<p>Hiệu chỉnh theo Điều 50 Luật Các TCTD 2024.</p>
16	Điều 20. Vai trò và cơ cấu của Ban Kiểm soát trong quản trị Công ty	Điều 19. Vai trò và cơ cấu của Ban Kiểm soát trong quản trị Công ty	
	<p>1. Ban Kiểm soát là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt các cổ đông để thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của Pháp luật, quy</p>	<p>1. Ban Kiểm soát là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt các cổ đông để thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của Pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ Công ty, Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.</p>	<p>Hiệu chỉnh để phù hợp với Luật Các TCTD 2024.</p>

	<p>định nội bộ, Điều lệ Công ty, Nghị quyết, Quyết định của ĐHCĐ, HĐQT.</p> <p>2. BKS có ít nhất 03 (ba) thành viên và không nhiều hơn 05 (năm) thành viên, trong đó phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Công ty hoặc doanh nghiệp khác.</p> <p>3. Nhiệm kỳ của BKS không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên BKS theo nhiệm kỳ của BKS. Thành viên BKS có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. BKS của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p>	<p>2. BKS có tối thiểu 03 (ba) thành viên và không nhiều hơn 05 (năm) thành viên.</p> <p>3. Nhiệm kỳ của BKS không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên BKS theo nhiệm kỳ của BKS. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. BKS của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p>	
17	Điều 21. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	Điều 20. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	
	<p>1. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban Kiểm soát:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 36 Điều lệ Công ty;</p> <p>b) Có đạo đức nghề nghiệp;</p> <p>c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;</p> <p>d) Không phải là người có quan hệ gia đình, người có liên quan của người quản lý Công ty, người đại diện</p>	<p>1. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban Kiểm soát:</p> <p>a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Khoản 1 Điều 42 Luật các Tổ chức tín dụng;</p> <p>b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;</p> <p>c) Có trình độ đại học trở lên về một trong các tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;</p> <p>d) Có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán, kiểm toán;</p> <p>e) Không phải là người có liên quan của EVN Finance;</p>	<p>Điều chỉnh nội dung theo quy định của Luật các TCTD 2024.</p>

	<p>phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty;</p> <p>e) Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong đương nhiệm;</p> <p>f) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.</p>	<p>f) Trưởng Ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong đương nhiệm;</p> <p>h) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.</p>	
18	Điều 22. Vai trò của Tổng Giám đốc	Điều 21. Vai trò của Tổng Giám đốc	
	Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm trong số các thành viên HĐQT hoặc thuê. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.	Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.	Hiệu chỉnh theo quy định tại Điều lệ Công ty.
19	Điều 23. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc	Điều 22. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc	
	<p>1. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, cụ thể:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 36 của Điều lệ và khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;</p> <p>b) Đảm bảo đạo đức nghề nghiệp;</p> <p>c) Có bằng Đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật;</p> <p>d) Có ít nhất 05 (năm) năm làm người điều hành của tổ chức tín dụng; hoặc có ít nhất 05 (năm) năm làm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối</p>	<p>1. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, cụ thể:</p> <p>a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Khoản 1 Điều 42 Luật các tổ chức tín dụng, Khoản 1 Điều 37 Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020 và; Khoản 1 Điều 37 của Điều lệ;</p> <p>b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;</p> <p>c) Có trình độ Đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;</p>	Bổ sung các nội dung theo quy định của Luật các TCTD 2024.

	<p>với từng loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; hoặc có ít nhất 10 (mười) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</p> <p>e) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;</p> <p>f) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý của EVN Finance, Kiểm soát viên của EVN Finance; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại EVN Finance.</p>	<p>d) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 05 năm là người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</p> <p>e) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;</p>	
	<p>2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc.</p> <p>a) HĐQT ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc. Trình tự, thủ tục, hồ sơ về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm của Công ty.</p>	<p>2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc.</p> <p>a) HĐQT ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc. Trình tự, thủ tục, hồ sơ về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Quy định nội bộ của Công ty (nếu có).</p>	<p>Bổ sung viện ban hành quyết định bãi nhiệm của HĐQT để phù hợp theo quy định của Luật các TCTD 2024.</p>
	<p>e) Trường hợp Tổng Giám đốc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ của Công ty, HĐQT có quyền tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng Giám đốc, đồng thời phải cử ngay một Phó Tổng Giám đốc hoặc một Trưởng phòng nghiệp vụ (trường hợp không có Phó Tổng Giám đốc) đảm bảo các điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, không thuộc đối tượng quy định tại Điều 36 của Điều lệ Công ty để đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc và có ngay văn bản báo cáo, đề xuất xử lý đối với những sai phạm, cũng như chức danh Tổng Giám đốc, gửi Ngân hàng Nhà nước giải quyết theo quy định hiện hành.</p>	<p>e) Trường hợp Tổng Giám đốc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ của Công ty, HĐQT có quyền tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng Giám đốc, đồng thời phải cử ngay một Phó Tổng Giám đốc hoặc một Trưởng đơn vị nghiệp vụ (trường hợp không có Phó Tổng Giám đốc) đảm bảo các điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, không thuộc đối tượng quy định tại Điều 37 của Điều lệ Công ty để đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc và có ngay văn bản báo cáo, đề xuất xử lý đối với những sai phạm, cũng như chức danh Tổng Giám đốc, gửi Ngân hàng Nhà nước giải quyết theo quy định hiện hành.</p>	<p>Điều chỉnh tên đối tượng “Trưởng phòng nghiệp vụ” thành “Trưởng đơn vị nghiệp vụ” theo quy định của Luật các TCTD 2024.</p>

20	Điều 26. Nội dung phối hợp giữa HĐQT, BKS và TGD	Điều 25. Nội dung phối hợp giữa HĐQT, BKS và TGD	
	<p>2. Tham gia các cuộc họp của HĐQT:</p> <p>b) Ban Kiểm soát tham dự các cuộc họp của HĐQT, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết đối với các nghị quyết của HĐQT. Ban Kiểm soát thông báo kịp thời với HĐQT về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát, có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ và trực tiếp báo cáo trước ĐHĐCĐ.</p>	<p>2. Tham gia các cuộc họp của HĐQT:</p> <p>b) Ban Kiểm soát tham dự các cuộc họp của HĐQT, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết đối với các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Ban Kiểm soát thông báo kịp thời với HĐQT về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát, có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ và trực tiếp báo cáo trước ĐHĐCĐ.</p>	<p>Bổ sung cụm từ “quyết định” để phù hợp với quy định tại Điều lệ công ty và Luật các TCTD 2024.</p>

Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng.

In case of any discrepancy in the meaning between the English disclosure and the Vietnamese disclosure, the Vietnamese disclosure shall prevail.